

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/DS-ST
Ngày 29 tháng 06 năm 2023
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tú Anh

***Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lại Thiện Phong
2. Ông Danh On***

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Hồng Diễm – Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Danh Đạt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 06 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 399/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B

Địa chỉ: Tầng 1,3,4,5,6 Tòa nhà T, số 210 đường K, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn D - Giám đốc Ngân hàng TMCP B - chi nhánh B.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1981 (Có mặt). (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/10/2022).

Địa chỉ: Số 56, đường T, phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

Đồng bị đơn: Anh Danh T, sinh năm 1995 (Có mặt)

Chị Thị Xà Q, sinh năm 2000 (Vắng mặt không lý do)

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện tham gia tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B là ông Nguyễn Văn Y trình bày:

Vào ngày 25/8/2020, Ngân hàng TMCP B, chi nhánh B – Phòng giao dịch H có

cấp thẻ tín dụng cho anh Danh T với số tiền là 15.000.000 đồng theo giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 28%/năm.

Vào ngày 28/7/2021, vợ chồng anh Danh T, chị Thị Xà Q có ký kết hợp đồng tín dụng số HDTD19A2021197 với Ngân hàng TMCP B, chi nhánh B – Phòng giao dịch H để vay số tiền 180.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn nuôi trồng thủy sản. Ngày giải ngân tiền vay là ngày 28/7/2021. Lãi suất thỏa thuận khi vay là 11,85%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm trên số tiền lãi chậm trả. Thời hạn cho vay là 11 tháng (ngày trả nợ cuối cùng là 28/6/2022). Hình thức thanh toán: gốc trả cuối kỳ, lãi trả cố định 03 tháng một lần vào ngày 28.

Quá trình quan hệ tín dụng, kể từ ngày 28/6/2022, anh Danh T và chị Thị Xà Q đã không thanh toán nợ đúng hạn, phát sinh nợ quá hạn, vi phạm hợp đồng nhưng không khắc phục theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP B.

Tính đến ngày 29/06/2023, số tiền mà anh Danh T và chị Thị Xà Q phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B cụ thể như sau: Đối với khoản nợ theo giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế là 12.805.857 đồng (*Trong đó nợ gốc: 7.438.875 đồng, lãi quá hạn là 5.366.982 đồng*). Đối với khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số HDTD19A2021197 ngày 28/7/2021 là 195.377.755 đồng (*Trong đó nợ gốc: 162.092.721 đồng, lãi trong hạn là 1.572.983 đồng, lãi quá hạn là 31.712.051 đồng*).

Để bảo đảm cho các khoản vay nói trên, vợ chồng anh Danh T và chị Thị Xà Q có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC19A202063 ngày 23/07/2020 với Ngân hàng TMCP B – chi nhánh B - Phòng giao dịch H thế chấp Quyền sử dụng đất tại thửa 601, tờ bản đồ số 5, diện tích 5.745,8m² loại đất trồng lúa tọa lạc tại ấp Đ1, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 681437 do UBND huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp cho hộ ông Danh L, bà Thị M vào ngày 25/4/2009 (*đã được chỉnh lý tại trang tư tặng cho anh Danh T vào ngày 21/7/2020*). Hợp đồng thế chấp nêu trên được chứng thực tại UBND xã L và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào cùng ngày 24/07/2020.

Nay Ngân hàng TMCP B yêu cầu vợ chồng anh Danh T, chị Thị Xà Q phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ đối với hai hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/06/2023) là: 208.183.612 đồng (*Trong đó nợ gốc: 169.531.596 đồng, lãi trong hạn là 1.572.983 đồng, lãi quá hạn là 37.079.033 đồng*) và tiền lãi phát sinh sau ngày 29/06/2023 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trường hợp anh T, chị Q không trả hoặc trả không hết nợ vay thì Ngân hàng TMCP B đề nghị Tòa án tuyên xử lý các tài sản mà anh T, chị Q đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP B nêu trên.

Đồng bị đơn anh Danh T, chị Thị Xà Q thống nhất trình bày: Vợ chồng anh T, chị Q thống nhất với phần trình bày của người đại diện tham gia tố tụng của Ngân hàng TMCP B là ông Nguyễn Văn Y. Vợ chồng anh T, chị Q đề nghị phía Ngân hàng cho vợ chồng anh T, chị Q được trả dần số tiền nợ mà không phát mãi tài sản thế chấp vì nếu phát mãi tài sản thế chấp thì vợ chồng anh T, chị Q không có đất để canh tác tạo thu nhập trả nợ cho Ngân hàng. Phần đất mà vợ chồng anh T, chị Q thế chấp cho Ngân hàng TMCP B hiện tại đang do vợ chồng anh T, chị Q trực tiếp canh tác chứ không có chuyển

nhượng, cầm cố hay cho ai khác thuê lại. Ngoài ra anh, chị không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay nguyên đơn, đồng bị đơn anh Danh T, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đồng bị đơn chị Thị Xà Q chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B. Buộc vợ chồng anh Danh T, chị Thị Xà Q có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/06/2023) là: 208.183.612 đồng (*Trong đó nợ gốc: 169.531.596 đồng, lãi trong hạn là 1.572.983 đồng, lãi quá hạn là 37.079.033 đồng*) và tiền lãi phát sinh sau ngày 29/06/2023 cho đến khi thanh toán dứt nợ theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng.

Trường hợp vợ chồng anh Danh T, chị Thị Xà Q không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ cho Ngân hàng TMCP B thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi quyền sử dụng đất tại thửa 601, tờ bản đồ số 5, diện tích 5.745,8m² loại đất trồng lúa tọa lạc tại ấp Đ1, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 681437 do UBND huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp cho hộ ông Danh L, bà Thị M vào ngày 25/4/2009 (*đã được chỉnh lý tại trang tư tặng cho anh Danh T vào ngày 21/7/2020*) mà vợ chồng anh T, chị Q đã thế chấp cho Ngân hàng.

Ngoài ra vợ chồng anh Danh T, chị Thị Xà Q còn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu đồng bị đơn anh Danh T, chị Thị Xà Q phải trả nợ vay cho Ngân hàng. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng đồng thời đồng bị đơn có nơi cư trú tại ấp Đ, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Đồng bị đơn chị Thị Xà Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Thị Xà Q căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Về nội dung vụ án:

[3] *Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP B yêu cầu anh Danh T, chị Thị Xà Q có trách nhiệm trả nợ vay cho Ngân hàng*, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như sự thừa nhận của anh Danh T, chị Thị Xà Q trong quá trình giải quyết vụ án, có cơ sở xác định:

Vào ngày 25/8/2020, Ngân hàng TMCP B, chi nhánh B – Phòng giao dịch H có cấp thẻ tín dụng cho anh Danh T với số tiền là 15.000.000 đồng theo giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 28%/năm.

Vào ngày 28/7/2021, vợ chồng anh Danh T, chị Thị Xà Q có ký kết hợp đồng tín dụng số HDTD19A2021197 với Ngân hàng TMCP B, chi nhánh B – Phòng giao dịch H để vay số tiền 180.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn nuôi trồng thủy sản. Ngày giải ngân tiền vay là ngày 28/7/2021. Lãi suất thỏa thuận khi vay là 11,85%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm trên số tiền lãi chậm trả. Thời hạn cho vay là 11 tháng (ngày trả nợ cuối cùng là 28/6/2022). Hình thức thanh toán: gốc trả cuối kỳ, lãi trả cố định 03 tháng một lần vào ngày 28.

Quá trình quan hệ tín dụng, vợ chồng anh Danh T, chị Thị Xà Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B mà hai bên thoả thuận tại các hợp đồng tín dụng. Do đó Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Danh T, chị Thị Xà Q có trách nhiệm trả nợ vay cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/06/2023) số tiền mà vợ chồng anh T, chị Q còn nợ Ngân hàng TMCP B là: 208.183.612 đồng (*Trong đó nợ gốc: 169.531.596 đồng, lãi trong hạn là 1.572.983 đồng, lãi quá hạn là 37.079.033 đồng*). Do đó cần buộc vợ chồng anh Danh T, chị Thị Xà Q có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 208.183.612 đồng.

[4] Xét yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của Ngân hàng TMCP B đối với khoản vay của anh Danh T, chị Thị Xà Q. Hội đồng xét xử xét thấy:

Để bảo đảm cho khoản các khoản vay, vợ chồng anh T, chị Q có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC19A202063 ngày 23/07/2020 với Ngân hàng TMCP B – chi nhánh B - Phòng giao dịch H thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa 601, tờ bản đồ số 5, diện tích 5.745,8m² loại đất trồng lúa tọa lạc tại ấp Đ1, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 681437 do UBND huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp cho hộ ông Danh L, bà Thị M vào ngày 25/4/2009 (*đã được chỉnh lý tại trang tư tặng cho anh Danh T vào ngày 21/7/2020*).

[4.1] Về hình thức hợp đồng thế chấp: Hợp đồng này đã được chứng thực tại UBND xã L và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 24/07/2020.

[4.2] Về tài sản thế chấp: Qua xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất thế chấp (thửa đất 601) thấy rằng, thửa đất này hiện tại vợ chồng anh Danh T, chị Thị Xà Q đang trồng lúa, vợ chồng anh T, chị Q không có chuyển nhượng, cầm cố hay cho ai thuê lại thửa đất này. Do đó việc Ngân hàng TMCP B yêu cầu được phát mãi phần đất mà vợ chồng anh T, chị Q thế chấp cho Ngân hàng trong trường hợp vợ chồng anh T, chị Q không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là 3.053.000 đồng anh Danh T, chị Thị Xà Q phải chịu toàn bộ.

[7] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh Danh T, chị Thị Xà Q phải liên đới nộp án phí số tiền là 10.409.180 đồng (208.183.612 đồng x 5%).

Vì các lý do nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào các Điều 2; 6; 7, 7a; 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B.

Buộc anh Danh T, chị Thị Xà Q có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/06/2023) là: 208.183.612 đồng (*Trong đó nợ gốc: 169.531.596 đồng, lãi trong hạn là 1.572.983 đồng, lãi quá hạn là 37.079.033 đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Khi bản án có hiệu lực phát luật anh Danh T, chị Thị Xà Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP B thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản mà anh Danh T, chị Thị Xà Q đã thế chấp cho Ngân hàng tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTCT19A202063 ngày 23/07/2020 để thu hồi nợ, cụ thể:

Quyền sử dụng đất diện tích 5.745,8m² loại đất trồng lúa, thuộc thửa đất số 601, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Đ1, xã L, huyện H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 681437 do UBND huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp cho hộ ông Danh L và vợ Thị M vào ngày 25/4/2009 (*đã được chỉnh lý tại trang tư tặng cho anh Danh T vào ngày 21/7/2020*).

4. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp số tiền là 3.053.000 đồng, anh Danh T, chị Thị Xà Q phải chịu toàn bộ.

Ngân hàng TMCP B đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 10.000.000 đồng theo phiếu thu số T0136 ngày 28/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã chi hết 3.053.000 đồng nên Ngân hàng TMCP B được hoàn lại số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 6.947.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Buộc anh Danh T, chị Thị Xà Q có nghĩa vụ liên đới hoàn lại số tiền 3.053.000 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng cho Ngân hàng TMCP B.

5. Về án phí:

Buộc anh Danh T, chị Thị Xà Q có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 10.409.180 đồng.

Ngân hàng TMCP B đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 5.083.000 đồng theo biên lai thu số 0006616 ngày 21/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày toà tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1b);
- VKSND huyện (2b);
- CC.THADS huyện (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Phan Tú Anh